

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HSST
Ngày 22 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mậu Thìn
Ông Vũ Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Nghĩa, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21, 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1968 tại Bạc Liêu. Nơi đăng hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Võ Thị D (V) (đã chết); chồng là Trần Văn S, sinh năm 1967; có 02 người con, lớn nhất 28 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2016 đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lý Kim P, là Luật sư của Công ty luật Hợp Danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Cẩm N, sinh năm 1968, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu

2. Bà Hoàng Hồng C, sinh năm 1964, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Lê Thị Mỹ A (Số M, Lê Thị Mỹ A), sinh năm 1962, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Trần Thị A, sinh năm 1954, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
5. Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1968, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
6. Bà Phạm Ngọc K, sinh năm 1980, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
7. Bà Võ Thị Tú H (Q bán cơm), sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
8. Bà Thắm Thị Hồng A, sinh năm 1970, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
9. Bà Võ Thị T (T), sinh năm 1970, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu,.
10. Bà Võ Thị T (Vợ M), sinh năm 1968, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
11. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1970, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
12. Bà Phạm Thị L (Số B), sinh năm 1976, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
13. Ông Lâm Văn D (V), sinh năm 1975, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
14. Bà Lê Thị U, sinh năm 1963, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp III, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
15. Bà Lưu Thúy K, sinh năm 1980, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
16. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
17. Bà Huỳnh Như E, sinh năm 1958, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
18. Bà Trần Thanh P (H), sinh năm 1953, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

19. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
20. Bà Trần Thị N (U), sinh năm 1976, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
21. Bà Trần Thị T (H), sinh năm 1954, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
22. Bà Trần Thị Tiềm, sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
23. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1985, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
24. Bà Hoàng Thị P (Cô P), sinh năm 1964, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
25. Ông Phạm Minh T (Thầy T), sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
26. Bà Thái Kim Y (D), sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
27. Bà Võ Ngọc N (Võ Thị Bé N), sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
28. Bà Võ Thị Q (T), sinh năm 1985, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.
29. Bà Phạm Thị C (Cô C, Cô L), sinh năm 1964, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
30. Bà Phạm Thị M (Cô M), sinh năm 1986, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
31. Bà Kim Thị K (S), sinh năm 1990, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
32. Bà Nguyễn Thị Út V (V), sinh năm 1987, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
33. Bà Nguyễn Bích H (H), sinh năm 1972, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
34. Bà Đỗ Thị T (Vợ bác sĩ S), sinh năm 1966, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

35. Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

36. Bà Lê Diễm L, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

37. Bà Huỳnh Thị Thuyết A(Vợ N), sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

38. Bà Thiều Thị H, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

39. Bà Thiều Thị V, sinh năm 1963, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

40. Bà Trần Thị B, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

41. Bà Lưu Mỹ L, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

42. Bà Nguyễn Bích P, sinh năm 1972, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

43. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

44. Bà Trần Thị N (N mủ phé liệu), sinh năm 1968, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

45. Bà Tăng Kim Q (Q), sinh năm 1973, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

46. Bà Lê Hồng P (P bán thịt), sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

47. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

48. Bà Nguyễn Thị Kim B (Kim B bán cá), sinh năm 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

49. Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1966, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
50. Bà Trương Kim E, sinh năm 1973, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
51. Bà Kim Thị N, sinh năm 1985, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
52. Bà Nguyễn Thị T (T bánh tét), sinh năm 1977, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
53. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
54. Bà Huỳnh Thị M (M), sinh năm 1963, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
55. Bà Trần Thị K, sinh năm 1990, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
56. Bà Vũ Thị Thu P (Vũ Thị P), sinh năm 1972, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
57. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
58. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
59. Bà Lâm Thị C (K, C bán cá), sinh năm 1964, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
60. Bà Trần Thị T (Út V), sinh năm 1981, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
61. Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1980, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
62. Bà Lê Thị T, sinh năm 1981, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
63. Bà Nguyễn Thị M(Vợ N ghe gạo), sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 3B, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

64. Bà Lê Thị Út N, sinh năm 1987, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: Ấp II, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
65. Bà Lê Thị L(7 L), sinh năm 1952, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
66. Bà Nguyễn Thị H (cô H), sinh năm 1981, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
67. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1988, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.
68. Bà Lê Diễm K, sinh năm 1988, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
69. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1955, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Bình Tốt B, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
70. Bà Trần Huỳnh M, sinh năm 1988, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
71. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu
72. Bà Thiệu Thị N (Út N), sinh năm 1968, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
73. Bà Lê Ái L (Lê Thị Ái L, Cô L), sinh năm 1967, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
74. Bà Tống Thị T, sinh năm 1967, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
75. Bà Kim Lệ H, sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm V, Phường 3, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.
Chỗ ở: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
76. Bà Thị Đ (Vợ V), sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
77. Bà Trần Thị B (S), sinh năm 1962, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
78. Bà Võ Thị P (Vợ T), sinh năm 1984, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

79. Bà Trương Ái K (O), sinh năm 1984, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
80. Bà Nguyễn Hồng G (T), sinh năm 1986, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
81. Bà Lưu Hồng A (L), sinh năm 1960, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
82. Bà Phan Ngọc M, sinh năm 1989, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
83. Bà Thạch Kim H (D, Vợ T), sinh năm 1978, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
84. Bà Nguyễn Mộng P, sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
85. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1954, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
86. Bà Trần Tú L (L bán tạp hóa), sinh năm 1980, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
87. Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
88. Bà Nguyễn Thị Cẩm H (Vợ Đ), sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
89. Bà Phạm Thị Mỹ H (H bán xôi), sinh năm 1975, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
90. Bà Phùng Bích Thu V, sinh năm 1955, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
91. Bà Trương Như Y (Y Công), sinh năm 1986, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
92. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
93. Bà Phạm Ngọc S (C), sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

94. Bà Nguyễn Thị T (T bán thịt heo), sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

95. Bà Nguyễn Kim T (Vợ V), sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

96. Bà Phạm Thu H (Cô H), sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

97. Bà La Thuý H, sinh năm 1970, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

98. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

99. Bà Trần Thị C, sinh năm 1968, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

100. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: Ấp N, thị trấn N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

101. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

102. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1967, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

103. Bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1992), (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

104. Bà Đào Thị Thu H, sinh năm 1954, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị T (T), sinh năm 1974, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Trần Lệ D, sinh năm 1961, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 3A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Thị Thúy D (Vợ H), sinh năm 1986, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Cao Văn K, sinh năm 1967, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
6. Bà Trương Thị T, sinh năm 1972, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
7. Bà Bùi Kiều T (Vợ D), sinh năm 1984, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường I, xã P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
8. Bà Trần Thị T, sinh năm 1978, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
9. Bà Đặng Ngọc L (L bán cá), sinh năm 1986, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
10. Bà Lê Thị T (T rau cải, T vợ Giới), sinh năm 1974, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
11. Bà Huỳnh Thị P (P), sinh năm 1974, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
12. Bà Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1983, (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.
13. Ông Nguyễn Hoàng A (M bán cá), sinh năm 1979, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
14. Bà Huỳnh Thị L (L làm móng), sinh năm 1984, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
15. Bà Bùi Thị P (Số Đ), sinh năm 1968, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
16. Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1983, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
17. Bà Võ Thị Ngọc C, sinh năm 1971, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
18. Bà Trần Thị Bé H (T), sinh năm 1987, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.
19. Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

20. Bà Nguyễn Thị Thảo (T), sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

21. Bà Cao Thị Ngọc T (C), sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

22. Bà Nguyễn Kim T (T rau cải), sinh năm 1986, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

23. Bà Hồ Kim Đ, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu Nguyễn Kim L bị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Kim L bắt đầu làm chủ hội từ năm 1994, có rất nhiều dây hội mẫn, nên đã tạo được lòng tin đối với người chơi. Từ đó, L lập nhiều dây hội tháng và hội mùa (hội tháng mỗi tháng mở 01 kỳ còn hội mùa 03 hoặc 04 tháng mở 01 kỳ), có giá từ 500.000đ đến 5.000.000đ.

Trong quá trình làm chủ hội, khoảng từ năm 2011 đến năm 2015, L nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền hội, để đạt được mục đích, khi thành lập mỗi dây hội L lấy tên không tham gia ít nhất là 02 phần, nhiều nhất là 09 phần để hốt hội. Bên cạnh đó, đến kỳ mở hội, các hội viên vắng mặt, L lấy tên trong sổ hội viên đó để hốt hội. Ngoài ra, Nguyễn Kim L còn tìm đến những người có tiền, L bịa đặt ra thông tin có hội viên bán hội với giá cao để bán hội và hỏi vay tiền để cho người quen đáo hạn Ngân hàng, từ đó các bị hại lầm tưởng những điều bịa đặt L nói là thật nên giao tiền cho L. Nhằm D trì chiếm đoạt và tránh phát hiện, L trả lãi hội và trả lãi tiền vay cho các người bị hại như thỏa thuận, đến khi không còn chiếm đoạt được nữa thì Nguyễn Kim L tuyên bố vỡ nợ. Với các thủ đoạn nêu trên, L chiếm đoạt **1.863.065.000đ** của nhiều người bị hại. Hành vi cụ thể của Nguyễn Kim L thể hiện như sau:

* Đối với thủ đoạn kê hội không, lừa dối hốt hội của hội viên:

1- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 03/4/2011 (ngày 01/3/2011 âm), dây hội có 18 phần, 15 người tham gia 15 phần; L lấy tên không tham gia 03 phần (D, S và cô D). Hội đã mở được 17 kỳ, L hốt 03 phần hội không và hốt của hội viên 02 phần, hội viên hốt 12 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội cho bị cáo nhưng chưa hốt: Bà Huỳnh Cẩm N 20.655.000đ, bà Đào Thị Thu H 13.000.000đ và bà Trần Thị Bé H 16.970.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ tiền hội bị cáo: Bà Vũ Thị P, bà Thẩm Thị Hồng A, bà Trần Thị T, bà Trần Lệ D, bà Thạch Kim Hai, bà Kim Thị Kiều, bà Nguyễn Thị Thúy D và bà Phạm Thị M mỗi người nợ 2.000.000đ, ông Cao Văn K và bà Thái Kim Y mỗi người nợ 4.000.000đ.

- Đối trừ tiền hội viên đóng hội chưa hót với tiền hội viên nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 26.625.000đ.

2- Dây hội mùa 1.000.000đ, mở tháng 8/2011 (tháng 7/2011 âm), dây hội có 11 phần, 5 người tham gia 7 phần; L lấy tên không tham gia 04 phần là (L, H, Đ, D). Hội mở được 08 kỳ, L hót 04 phần hội không, hội viên hót 04 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội nhưng chưa hót: Bà Bùi Thị P, bà Lê Thị Mỹ A mỗi người đóng 4.660.000đ và bà Trần Thị A đóng 4.460.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ tiền hội bị cáo: Bà Bùi Thị P, bà Lưu Hồng A, ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị A mỗi người nợ 3.000.000đ

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội chưa hót với tiền hội viên đã hót hội nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.780.000đ.

3- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 02/3/2012 (ngày 10/02/2012 âm), dây hội có 18 phần, 13 người tham gia 14 phần, L lấy tên không tham gia 04 phần là (S, chỉ B, L, H). Hội mở được 14 kỳ, L hót 04 phần hội không và hót của hội viên 03 phần, hội viên hót 07 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội nhưng chưa hót: Bà Trịnh Thị T 13.555.000đ, bà Phạm Ngọc H, bà Phạm Ngọc K, bà Võ Thị Tú H mỗi người đóng 13.745.000đ, bà Thẩm Thị Hồng A đóng 14.755.000đ và bà Võ Thị T đóng 16.250.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ tiền hội bị cáo: Bà Trương Thị T 14.000.000đ, bà Thạch Kim Hai, bà Trần Lệ D, ông Trương Minh Đ, mỗi người nợ 10.000.000đ, bà Đào Thị Thu H, bà Thái Kim Y mỗi người nợ 8.000.000đ và Bùi Thị P nợ 6.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hót với tiền hội viên đã hót nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 19.795.000đ.

4- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 29/4/2013 (ngày 20/3/2013 âm), dây hội có 14 phần, 11 người tham gia 12 phần, L lấy tên không tham gia 02 phần (T, L). Hội đã mở 9 kỳ, L hót 02 phần hội không và hót của hội viên 03 phần, hội viên hót 4 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội nhưng chưa hót: Bà Võ Thị T 22.860.000đ, bà Đỗ Thị M 11.630.000đ, bà Phạm Thị L 11.320.000đ, ông Lâm Văn D 11.275.000đ, Bà

Lê Thị U 11.500.000đ, bà Lưu Thúy K và bà Trần Thị Kim L mỗi người đóng 11.190.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ lại tiền hội bị cáo: Bà Bùi Kiều Trang, bà Võ Thị Ngọc C, bà Trần Thị Tvà bà Trần Thị T mỗi người nợ 10.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hót với tiền hội viên đã hót nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 50.965.000đ.

5- Dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 22/6/2013 (ngày 15/5/2013 âm), dây hội có 27 phần, 12 người tham gia 22 phần, L lấy tên không tham gia 05 phần (M, L 02 phần, Mẹ Bé 5, L). Hội đã mở được 25 kỳ, L hót 03 phần hội không và hót của hội viên 09 phần, hội viên hót 13 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội nhưng chưa hót: Bà Huỳnh Như E 8.214.000đ, bà Huỳnh Cẩm N 8.375.000đ, bà Trần Thanh P 17.500.000đ, bà Nguyễn Ngọc H 9.100.000đ, bà Trần Thị N 24.642.000đ và bà Trần Thị T 9.100.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ lại tiền hội bị cáo: Bà Đặng Ngọc L, bà Võ Ngọc N (N), bà Nguyễn Thị T mỗi người nợ 1.000.000đ, bà Lê Thị Tnợ 1.500.000đ, bà Huỳnh Thị M nợ 2.000.000đ, bà Trần Thị T nợ 3.000.000đ và bà Trần Thị N nợ 5.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hót với tiền hội viên đã hót nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 62.431.000đ.

6- Dây hội mùa 3.000.000đ, mở ngày 05/9/2013 (ngày 01/8/2013 âm), dây hội có 15 phần, 10 người tham gia 11 phần, L lấy tên không tham gia 04 phần (T, N, T, A). Hội đã mở được 08 kỳ, L hót 03 phần hội không và hót của hội viên 04 phần, hội viên hót 01 phần.

- Các hội viên đóng tiền hội nhưng chưa hót: Bà Huỳnh Cẩm N, bà Trần Thị T, bà Trịnh Thị T, bà Lâm Thị N, bà Hoàng Thị P, ông Phạm Minh T mỗi người đóng 13.600.000đ, bà Thái Kim Y đóng 27.200.000đ, bà Võ Ngọc N đóng 10.850.000đ, bà Võ Thị Q đóng 12.000.000đ.

- Các hội viên đã hót hội còn nợ lại tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Trần Thị Bé H nợ 21.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hót với tiền hội viên đã hót nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 110.650.000đ.

7- Dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 19/9/2013 (ngày 15/8/2013 âm), dây hội có 26 phần, 15 người tham gia 19 phần, L tham gia 02 phần, lấy tên không tham gia 05 phần (D: 02 phần, A: 02 phần, chồng T). Hội đã mở được 23 kỳ, L đã hót 02 phần

hội tham gia, hốt 01 phần hội không và hốt của hội viên 15 phần, hội viên hốt 05 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Trịnh Thị T, bà Phạm Thị C, bà Thắm Thị Hồng A, bà Phạm Thị M, bà Kim Thị K mỗi người đóng 8.050.000đ, bà Nguyễn Thị Út V đóng 7.700.000đ, bà Trần Thị T, bà Đỗ Thị T mỗi người đóng 16.100.000đ, bà Trần Thị N đóng 18.900.000đ và bà Trần Thị T đóng 8.030.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ lại tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Lê Thị T 6.500.000đ, bà Nguyễn Thị H, bà Đỗ Thị T và bà Lê Thị T mỗi người nợ 1.500.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 96.080.000đ.

8- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 14/02/2014 (ngày 15/01/2014 âm), dây hội có 14 phần, 08 người tham gia 09 phần, L lấy tên không tham gia 05 phần (L, vợ M, B, D, Số B). Hội mở được 06 kỳ, L hốt 05 phần hội không, hốt 01 phần của hội viên.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Lê Diễm L 6.000.000đ, bà Nguyễn Thị T 13.000.000đ, bà Thiều Thị H, bà Thiều Thị V, bà Trịnh Thị T mỗi người đóng 6.990.000đ, bà Trần Thị B, ông Trương Minh Đ và bà Nguyễn Bích P mỗi người đóng 6.780.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 60.310.000đ.

9- Dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 24/02/2014 (ngày 25/01/2014 âm), dây hội có 28 phần, 12 người tham gia 20 phần; L lấy tên không tham gia 08 phần (Kiều N, Chế N, H, D, G, L, H, T). Hội mở được 17 kỳ, L hốt hội không 04 phần và hốt của hội viên 09 phần, hội viên hốt 04 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Nguyễn Thị T đóng 23.800.000đ, bà Trần Thị N đóng 11.560.000đ, bà Tăng Kim Q đóng 5.860.000đ, bà Lê Hồng P đóng 5.175.000đ, bà Phạm Thị L và bà Trần Thị T mỗi người đóng 5.950.000đ, bà Trịnh Thị T và bà Nguyễn Thị Kim B mỗi người đóng 5.450.000đ và Nguyễn Mộng P đóng 10.900.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Trần Thị Mai T và bà Huỳnh Thị P mỗi người nợ 5.500.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 58.095.000đ.

10- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 24/02/2014 (ngày 25/01/2014 âm), dây hội có 14 phần, 10 người tham gia 11 phần, L lấy tên không tham gia 03 phần (K N, N, T). Hội mở được 06 kỳ, L hốt 02 phần hội không và hốt của hội viên 02 phần, hội viên hốt 02 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Trịnh Thị T, bà Lê Thị Mỹ A, bà Hồ Kim Đ, bà Nguyễn Bích P ông Lâm Văn D mỗi người đóng 6.530.000đ, bà Nguyễn Thị T đóng 7.040.000đ, bà Trương Kim E đóng 6.840.000đ và bà Kim Thị N đóng 13.800.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Trần Thị Mai T và bà Lưu Thúy K mỗi người nợ 16.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 28.330.000đ.

11- Dây hội mùa 3.000.000đ, mở ngày 14/4/2014 (ngày 15/3/2014 âm), dây hội có 15 phần, 11 người tham gia 12 phần, L lấy tên không tham gia 03 phần (ché H, T, T). Hội đã mở được 05 kỳ, L hốt 02 phần hội không và hốt của hội viên 03 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Huỳnh Cẩm N, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị H, bà Bùi Thị P, bà Võ Thị Tú H, bà Lê Diễm L, bà Huỳnh Thị Mỹ, bà Nguyễn Thị Út V mỗi người đóng 8.060.000đ, bà Vũ Thị Thu P đóng 8.100.000đ, bà Nguyễn Thị Q đóng 16.120.000đ và bà Thiều Thị N đóng 6.220.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 94.920.000đ.

12- Dây hội mùa 5.000.000đ, mở ngày 17/7/2014 (ngày 15/6/2014 âm), dây hội có 15 phần, 12 người tham gia 13 phần; L lấy tên không tham gia 02 phần (T, ché B). Hội đã mở được 04 kỳ, L hốt hội không 02 phần; hội viên hốt 02 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: bà Trần Thị Mai T, bà Trịnh Thị T, bà Bùi Thị P, bà Lâm Thị C, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Thiều Thị N, bà Trần Thị T mỗi người đóng 11.150.000đ, bà Nguyễn Thị H đóng 11.700.000đ, bà Huỳnh Thị Mộng T đóng 11.100.000đ và Lưu Thúy K đóng 11.130.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ lại tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Phạm Thị Ngọc C 60.000.000đ và bà Nguyễn Thị T 55.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 8.130.000đ.

13- Dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 16/7/2014 (ngày 20/6/2014 âm), dây hội có 27 phần, có 16 người tham gia 25 phần, L lấy tên không tham gia 02 phần (H, T).

Hội đã mở được 12 kỳ, L đã hốt 02 phần hội không và hốt của hội viên 02 phần, hội viên hốt 08 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Trịnh Thị T, bà Lê Thị T, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Thị T mỗi người đóng 3.678.000đ, bà Trần Thị T đóng 16.800.000đ, bà Trần Thị T đóng 9.360.000đ, bà Nguyễn Thị M đóng 3.600.000đ, Bà Lê Thị Út N đóng 4.000.000đ, bà Lê Thị L đóng 10.890.000đ, bà Nguyễn Bích H đóng 4.550.000đ và bà Nguyễn Thị H đóng 8.400.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Cao Thị Ngọc T nợ 15.000.000đ, bà Phạm Ngọc S bà 8.000.000đ, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Hoàng A, bà Huỳnh Thị L, bà Lê Diễm K và bà Nguyễn Thị M mỗi người nợ 7.500.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 11.812.000đ.

14- Dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 24/8/2014 (ngày 29/7/2014 âm), hội có 26 phần, 12 người tham gia 19 phần, L tham gia 01 phần, L lấy tên không tham gia 06 phần (My: 02 phần, L, Q, B, T). Hội đã mở được 11 kỳ, L hốt 01 phần tham gia, hốt 06 phần hội không và hốt của hội viên 01 phần, hội viên hốt 03 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Phạm Thị L đóng 3.850.000đ, bà Thạch Kim H đóng 3.800.000đ, bà Huỳnh Thị N đóng 3.780.000đ, bà Trần Thị N, bà Hoàng Thị P, bà Trịnh Thị T mỗi người đóng 7.560.000đ, bà Lê Ái Liên, bà Trần Thanh P mỗi người đóng 7.000.000đ bà Trần Thị B đóng 10.500.000đ.

- Các hội viên đã hốt hội còn nợ tiền hội Nguyễn Kim L: Bà Nguyễn Thị T8.000.000đ, bà Phạm Thị Ngọc C 9.000.000đ và bà Nguyễn Kim T 7.500.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hốt với tiền hội viên đã hốt nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 34.110.000đ.

15- Dây hội mùa 2.000.000đ, mở ngày 24/8/2014 (ngày 30/7/2014 âm, bị can ghi chú thực tế không có ngày này), dây hội có 16 phần, 10 người tham gia 10 phần; L lấy tên không tham gia 06 phần (G, T, Đ, N, H, L). Hội đã mở được 04 kỳ, L hốt hết 04 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hốt: Bà Thiều Thị H, bà Thiều Thị V mỗi người đóng 4.540.000đ, bà Thị Đ đóng 3.520.000, bà Kim Lệ H, bà Trần Thị B, bà Võ Thị P, bà Trương Ái K, bà Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị T mỗi người đóng 4.420.000, bà Lưu Hồng A đóng 3.520.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 42.640.000đ.

16- Dây hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 08/9/2014 (ngày 15/8/2014 âm), dây hụi có 17 phần, có 11 người tham gia 11 phần, L lấy tên không tham gia 06 phần (T, N, N, S, L, N). Hụi đã mở được 03 kỳ, L đã hốt 02 phần hụi không, hụi viên hốt 01 phần.

- Các hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt: Bà Nguyễn Thị T, bà Phan Ngọc M, bà Thạch Kim H, bà Nguyễn Kim T mỗi người đóng 4.730.000đ, bà Lưu Thúy K, bà Trần Tú L mỗi người đóng 5.040.000đ, bà Võ Ngọc N đóng 4.830.000đ, bà Trần Thị N đóng 4.785.000đ, bà Nguyễn Thanh P đóng 5.100.000đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H đóng 4.500.000đ.

- Các hụi viên đã hốt hụi còn nợ tiền hụi bị cáo: Nguyễn Thị T nợ 42.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt với tiền hụi viên đã hốt nợ hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 6.215.000đ.

17- Dây hụi tháng 500.000đ, mở ngày 15/9/2014 (ngày 22/8/2014 âm), dây hụi có 27 phần, có 14 người tham gia 16 phần, L tham gia 01 phần, L lấy tên không tham gia 10 phần (H: 02 phần, N: 02 phần, T, P, H, T, T, D). Hụi đã mở được 10 kỳ, L hốt 01 phần tham gia, hốt 06 phần hụi không và hốt của hụi viên 02 phần, hụi viên hốt 01 phần.

- Các hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt: Bà Phạm Thị Mỹ H, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Ngọc H, bà Phùng Bích Thu V, bà Trương Như Y, bà Phạm Ngọc H mỗi người đóng 3.271.000đ, bà Trần Thanh P đóng 3.150.000đ, bà Phan Ngọc M đóng 6.400.000đ, bà Trần Thị Đống 3.960.000đ, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị C mỗi người đóng 3.500.000đ và bà Phạm Thị N đóng 6.542.000đ.

- Các hụi viên đã hốt hụi còn nợ tiền hụi bị cáo: bà Hồ Kim Đ nợ 7.500.000đ.

- Đối trừ số tiền hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt với tiền hụi viên đã hốt nợ hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 39.178.000đ.

18- Dây hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 03/10/2014 (ngày 10/9/2014 âm), dây hụi có 14 phần, có 08 người tham gia 09 phần; L lấy tên không tham gia 05 phần (H, N, N, L, L). Hụi đã mở được 03 kỳ, L hốt 02 phần hụi không, hụi viên hốt 01 phần.

- Các hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt: Bà Lâm Thị Chon, bà Trương Như Y, bà Phùng Bích Thu V, bà Phạm Thị M đóng 4.790.000đ, bà Phạm Ngọc S đóng 4.750.000đ, bà Nguyễn Bích P đóng 9.580.000đ, bà Võ Ngọc N đóng 4.760.000đ

- Các hụi viên đã hốt hụi còn nợ tiền hụi bị cáo: Bà Bùi Thị P nợ 33.000.000đ.

- Đối trừ số tiền hội viên đóng hội nhưng chưa hết với tiền hội viên đã hết nợ hội chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.250.000đ.

19- Dãy hội mùa 3.000.000đ, mở ngày 22/11/2014 (ngày 01/10/2014 âm), dãy hội có 17 phần, có 11 người tham gia 12 phần, L lấy tên không tham gia 05 phần (L, D, L, T, T). Hội đã mở được 03 kỳ, L đã hết 03 phần hội không.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hết: Bà Nguyễn Kim T, bà Cao Thị Ngọc T, bà Kim Thị N mỗi người đóng 5.300.000đ, bà Phạm Ngọc S, bà Phạm Thị M mỗi người đóng 4.800.000đ, bà Lê Ái L đóng 7.000.000đ, bà Tống Thị T đóng 5.100.000đ, bà Lưu Hồng A đóng 5.040.000đ, bà Phạm Thu H đóng 3.500.000đ, bà Lê Diễm K đóng 4.640.000đ. bà Võ Thị Ngọc C (Mưa) đóng 4.650.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 60.230.000đ.

20- Dãy hội mùa 3.000.000đ, mở ngày 11/12/2014 (ngày 20/10/2014 âm), dãy hội có 16 phần, có 07 người tham gia 07 phần, L lấy tên không tham gia 09 phần (P, T, D, D, N, chị P, L, G, T). Hội đã mở được 03 kỳ, L đã hết 03 phần hội không.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hết: Bà Võ Ngọc N, bà Trương Như Y mỗi người đóng 4.640.000đ, bà Lê Thị Hồng N, bà Thạch Kim H và bà Võ Thị Ngọc C mỗi người đóng 5.040.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 27.660.000đ.

21- Dãy hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 22/02/2015 (ngày 04/01/2015 âm), dãy hội có 25 phần, có 14 người tham gia 19 phần, L tham gia 01 phần, L lấy tên không tham gia 05 phần (T, D, L, T, G). Hội đã mở được 05 kỳ, L hết hết 05 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hết: Bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Mỹ H mỗi người đóng 3.500.000đ, bà Phan Ngọc M, bà Nguyễn Thị H mỗi người đóng 2.540.000đ, bà Trần Thị T đóng 7.000.000đ, bà Nguyễn Thị M đóng 6.350.000đ, bà Nguyễn Thị Cẩm H đóng 3.500.000đ, bà Huỳnh Thị P đóng 3.000.000đ, bà Trần Huỳnh M đóng 6.168.000đ, bà Hoàng Hồng C đóng 3.620.000đ, bà Cao Thị Ngọc T đóng 3.084.000đ, bà Lê Diễm K đóng 6.168.000đ, bà Trịnh Thị T đóng 3.084.000đ và bà Lê Thị Mỹ N đóng 6.500.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 61.054.000đ.

22- Dãy hội tháng 500.000đ, mở ngày 28/02/2015 (ngày 10/01/2015 âm), dãy hội có 25 phần, có 11 người tham gia 17 phần, L tham gia 02 phần; L lấy tên không tham gia 06 phần (chế C, L, N, H, D, L). Hội đã mở được 05 kỳ, L hết hết 05 phần.

- Các hội viên đóng hội nhưng chưa hết: Bà Trịnh Thị T, bà Nguyễn Thị H mỗi người đóng 1.500.000đ, bà Trần Thị Tiềm đóng 3.500.000đ, bà Huỳnh Thị

Thuyết A đóng 1.400.000đ, bà Lưu Mỹ L đóng 1.725.000đ, bà Nguyễn Thị L đóng 5.100.000đ, bà Phan Thị Đ đóng 3.400.000đ, bà Nguyễn Thị L đóng 2.940.000đ, bà Võ Thị T đóng 3.400.000đ và bà Trần Thị K đóng 1.400.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 25.865.000đ.

23- Dây hụi mùa 2.000.000đ, mở ngày 03/4/2015 (ngày 15/02/2015 âm lịch), dây hụi có 11 phần, có 05 người tham gia 05 phần, L lấy tên không tham gia 06 phần (M, S, M, Đ, L, T, N). Hụi đã mở được 05 kỳ, L hốt hết 05 phần.

- Các hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt: Bà Nguyễn Thị L, bà Võ Thị T, bà Thắm Thị Hồng A, bà Trần Thị N mỗi người đóng 1.300.000đ và bà Bùi Thị P đóng 2.340.000đ.

- Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 7.540.000đ.

24- Dây hụi tháng 500.000đ, lần đầu mở ngày 14/11/2012 (ngày 01/10/2012 âm lịch), hụi có 27 phần, bà Thiệu Thị N tham gia 01 phần hụi sống, hụi đã mãn ở kỳ thứ 27, có một hụi viên nợ 02 kỳ hụi chết.

- Đối trừ số tiền hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt với tiền hụi viên đã hốt nợ thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.840.000đ.

25- Dây hụi tháng 500.000đ, lần đầu mở ngày 15/3/2013 (ngày 04/02/2013 âm lịch), hụi có 25 phần, hụi đã mãn.

- Đối trừ số tiền hụi viên đóng hụi nhưng chưa hốt với tiền hụi viên đã hốt nợ hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 18.480.000đ.

26- Dây hụi 500.000đ mở ngày 19/4/2013 (ngày 10/3/2013 âm lịch) bà Thiệu Thị N tham gia 1 phần đóng 25 kỳ số tiền 9.250.000đ, bà Trịnh Thị T tham gia 01 phần đóng 28 kỳ số tiền 9.520.000đ, đến kỳ 28 mãn hụi.

- Khi mãn hụi bị cáo không giao tiền cho hụi viên mà chiếm đoạt của hai hụi viên số tiền 18.770.000đ.

Ngoài các dây hụi trên, L gom của bà Tống Thị T **2.800.000đ** và gom của bà Nguyễn Hồng G **1.700.000đ** nhưng không nằm trong bất kỳ dây hụi nào.

Thông qua thủ đoạn lập các dây hụi nêu trên Nguyễn Kim L chiếm đoạt số tiền **992.255.000đ**.

* Đối với hành vi dùng thủ đoạn gian dối bán hụi không: Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo bán cho bà Phạm Thị L (số B) 01 chân hụi 3.000.000đ và 01 chân hụi 2.000.000đ, chiếm đoạt số tiền 29.170.000đ; bán cho Thái Kim Y (D) 01 chân hụi

2.000.000đ, chiếm đoạt số tiền 12.660.000đ; bán cho bà Trần Thanh P (Hai Chánh) 02 chân hụi 500.000đ, chiếm đoạt số tiền 16.770.000đ; bán cho bà Phạm Ngọc S01 chân hụi 3.000.000đ, chiếm đoạt số tiền 19.900.000đ; bán cho bà Nguyễn Thị L 02 chân hụi 3.000.000đ, chiếm đoạt số tiền 48.600.000đ; bán cho bà Trịnh Thị T (cô Thủy) 12 chân hụi (04 chân 2.000.000đ, 01 chân 3.000.000đ, 07 chân hụi 500.000đ), chiếm đoạt số tiền 98.430.000đ; bán cho Trần Thị T (hai Lép) 01 chân hụi 500.000đ, chiếm đoạt số tiền 10.740.000đ; bán cho bà Tống Thị T 02 chân hụi (01 chân 3.000.000đ và 01 chân 500.000đ), chiếm đoạt số tiền 31.650.000đ; bán cho bà Phạm Thu H01 chân hụi 3.000.000đ, chiếm đoạt số tiền 23.200.000đ; bán cho bà Phạm Thị C(cô Lan) 01 chân hụi 500.000đ, chiếm đoạt số tiền 7.600.000đ và bán cho Thiều Thị N(Út Nga) 01 chân 500.000đ, chiếm đoạt số tiền 8.990.000đ. Tổng số tiền bị cáo bán hụi không cho 11 người chiếm đoạt số tiền 307.710.000đ.

Tại Kết luận giám định số 203/GĐ – 2016 ngày 25/7/2016, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Các giấy mua bán hụi do cùng một người (Nguyễn Kim L) viết ra.

* Đối với hành vi dùng thủ đoạn gian dối vay tiền: Bị cáo nói dối vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và cho người khác vay lại để vay tiền của bà La Thuý H số tiền 160.000.000đ, trả lãi 44.400.000đ còn chiếm đoạt 115.600.000đ; vay của bà Đặng Thị T số tiền 100.000.000đ, trả lãi 10.000.000đ còn chiếm đoạt 90.000.000đ; vay của bà Trần Thị C số tiền 210.000.000đ, trả lãi 9.000.000đ còn chiếm đoạt 201.000.000đ; vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000đ, trả lãi 10.000.000đ còn chiếm đoạt 90.000.000đ; vay của bà Huỳnh Thị M20.000.000đ chưa đóng lãi chiếm đoạt số tiền 20.000.000đ và của bà Lê Diễm L (Lê Thị Diễm Lan) số tiền 50.000.000đ, trả lãi 3.500.000đ còn chiếm đoạt 46.500.000đ. Tổng số tiền vay để chiếm đoạt của 06 người là 563.100.000đ.

Ngoài ra, bị cáo còn mở các dây hụi dây hụi 1.000.000đ, mở tháng 9/2009 (tháng 7/2009 âm); Dây hụi 1.000.000đ, mở tháng 8/2010 (tháng 7/2010 âm); Dây hụi 2.000.000đ, mở ngày 26/8/2012 (ngày 10/7/2012 âm); Dây hụi 3.000.000đ, mở ngày 01/3/2013 (ngày 20/01/2013 âm); Dây hụi 2.000.000đ mở ngày 22/12/2013 (ngày 20/11/2013 âm); Dây hụi 500.000đ mở ngày 29/4/2014 (ngày 01/4/2014 âm); Dây hụi 2.000.000đ mở ngày 17/6/2014 (ngày 20/5/2014 âm). Các dây hụi này, mặc dù bị cáo có hành vi kê hụi không hót hụi của hụi viên, nhưng số tiền các hụi viên đã hót còn nợ bị cáo trong từng dây hụi lớn hơn số tiền mà các hụi viên đóng hụi cho bị cáo, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác bằng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Đối với các khoản vay của các bà Phan Thị M, bà Huỳnh Thị Mộng T, bà Huỳnh Cẩm N, bà Nguyễn Kim B, bà Nguyễn Thị H, bà Thẩm Thị Hồng A, bà Thiều Thị N, bà Trịnh Thị T, bà Võ Thị Q, bà Hoàng Thị P trong thời gian dài, đã trả

lãi theo thỏa thuận, khi vay tài sản bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối nào để nhận được tiền của những người cho vay. Cho nên, hành vi này của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đây chỉ là giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý, nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Đối với dây hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 14/4/2014 (ngày 15/3/2014 âm), bà Phạm Thị Ngọc C khai tham gia 02 phần, đóng 13.000.000đ, ngoài lời khai bà C ra không có tài liệu chứng minh, còn bị cáo không thừa nhận bà C có tham gia, nên không có căn cứ buộc bị cáo chiếm đoạt tiền của bà C, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị T khai cho bị cáo vay 80.000.000đ, bà Nguyễn Thị L khai cho bị cáo vay 72.000.000đ quy ra thành hụi, bà L đã nhận của bị cáo 65.400.000đ và bà L còn khai thêm cho bị cáo vay 100.000.000đ lãi suất 5%, đã nhận tiền lãi được 18.000.000đ, bị cáo không thừa nhận có vay các khoản tiền này của bà L và bà T, nhưng bà Thương và bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, nên không có căn cứ để xác định bị cáo chiếm đoạt các khoản tiền này, nên tách ra để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Đối với hành bi bán hụi khổng cho ông Nguyễn Văn B 21.240.000đ, sau đó trả lãi hụi cho ông B 4.360.000đ và ông Bảo tham gia chơi hụi đóng được 4.640.000đ và bị cáo còn xác định bà Ngô Phượng H (H) tham gia 01 phần trong dây hụi tháng 500.000đ mở ngày 15/9/2014 (ngày 22/8/2014 âm) đã hết hụi, còn nợ bị cáo 19 kỳ hụi chết, trong quá trình điều tra ông Bảo và bà H không còn ở địa phương, chưa ghi lời khai đối chất với bị cáo được nên tách ra giải quyết sau.

Sau khi tuyên bố vỡ hụi, bị cáo trả khắc phục cho một số người bị hại như: Bà Hoàng Thị P 3.900.000đ; bà Võ Thị T 2.700.000đ; bà Nguyễn Thị T 1.100.000đ; bà Thiệu Thị H 900.000đ; bà Thiệu Thị V 900.000đ; bà Lê Diễm L 500.000đ; bà Phạm Ngọc H 1.000.000đ; bà Phạm Ngọc K 500.000đ; bà Thẩm Thị Hồng A 1.500.000đ; bà Trần Thị Kim L 7.000.000đ (do cần trừ với bà Bích trả thay); bà Nguyễn Ngọc H 500.000đ; bà Trần Thị T 5.000.000đ; bà Lâm Thị N 1.000.000đ; bà Phạm Thị L 800.000đ (do bà Thi trả 400.000đ); bà Nguyễn Thị Kim B 200.000đ; bà Nguyễn Thị L 500.000đ; bà Thị Đ (vợ Vương) 600.000đ; bà Phan Thị Đ 200.000đ; bà Trần Tú L 4.200.000đ; bà Nguyễn Thị Cẩm H 300.000đ; bà Phạm Thị Mỹ H 1.300.000đ; bà Phùng Bích Thu V 500.000đ; bà Trương Như Y trả 500.000đ; bà Nguyễn Kim T 500.000đ. Tổng số tiền bị cáo trả khắc phục hậu quả là 36.100.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số 12/ KSĐT-KT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Kim L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Nguyễn Kim L mức án từ 14 đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo trả cho những người hại số tiền chiếm đoạt sau khi đã đối trừ với số tiền hui viên đã hốt còn nợ lại hui chết và số tiền bị cáo đã nộp khắc phục theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Kim L trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử trừ số tiền bị cáo đã khắc phục vào số tiền Viện kiểm sát truy tố, đối với 06 khoản vay là giao dịch dân sự vì bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối để vay tiền, giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự có làm biên nhận và có trả lãi theo thỏa thuận, việc sau khi vay tiền bị cáo dùng số tiền vay không đúng như lời nói của bị cáo khi vay tiền không phải là hành vi lừa dối nên số tiền vay không tính vào số tiền Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần hậu quả và cha bị cáo là người có công với nước, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện khoảng năm 2011 đến năm 2015 vì động cơ vụ lợi, với thủ đoạn gian dối ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo Nguyễn Kim L đã dùng thủ đoạn gian dối là lập nhiều phần hui không, bán hui không, hui viên hốt hui không giao tiền, lừa dối hốt hui chiếm đoạt tiền của các hui viên; vay tiền của nhiều người, chiếm đoạt tổng cộng số tiền 1.863.065.000đ, trong đó tiền hui viên tham gia chơi trong 26 dây là 992.255.000đ, tiền của 11 người mua hui không do bị cáo bán là 307.710.000đ và các khoản tiền mà bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để vay của 06 người là 563.100.000đ.

Đối với 26 dây hui bị cáo mở từ năm 2011 đến năm 2015, bị cáo đưa nhiều tên hui viên không (có tên trong giấy ghi hui nhưng không có người chơi thật), do khi khai hui các hui viên không tập trung lại để bỏ tiền hốt hui, nên bị cáo tự bỏ tiền hốt các phần hui không có người chơi thật và hốt các phần hui của những người có tham gia chơi thật, sau đó nói dối với các hui viên tham gia chơi có người hốt để gom tiền

hụi của các hụi viên, nhưng sau đó bị cáo không giao tiền hụi cho ai mà chiếm đoạt hết số tiền hốt của các phần trong 26 dây, sau khi trừ số tiền hụi viên có tham gia chơi đã hốt hụi còn nợ lại tiền hụi chết bị cáo thì bị cáo còn chiếm đoạt tổng số tiền 992.255.000đ.

Đối với hành vi dùng thủ đoạn gian dối để bán hụi cho những người trực tiếp tham gia chơi trong các dây hụi cũng như những người không tham gia chơi trong các dây hụi. Do bị cáo là chủ hụi, nên bị cáo tự ý lấy các phần hụi của các hụi viên để bán, số tiền bị cáo kêu bán hụi do bị cáo tự bịa đặt ra và dựa trên số tiền của các hụi viên chơi bỏ hụi hốt để bán, bị cáo nhận tiền của những người mua hụi sau đó tuyên bố vỡ hụi và không trả tiền cho những người mua hụi, bằng thủ đoạn gian dối này bị cáo đã chiếm đoạt của 11 người số tiền 307.710.000đ.

Đối với hành vi vay tổng số tiền 563.100.000đ, xét thấy trong khoảng thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2015 bị cáo đã mất khả năng thanh toán, nhưng bị cáo đã nói dối với các bị hại vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và cho người khác vay lại để các bị hại tin và giao tiền cho bị cáo, mặc dù khi giao dịch là sự tự nguyện nhưng bị cáo đã nói dối cho người cho vay tiền tin mà cho bị cáo vay tiền, sau khi nhận tiền vay thì cũng trong tháng 5/2015 bị cáo tuyên bố vỡ nợ nhưng không trả các khoản vay cho các bị hại và cũng không chứng minh được đã dùng số tiền vay để đáo nợ Ngân hàng hay cho người khác vay. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cụ thể số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại sau khi đã trừ số tiền của các hụi viên hốt hụi còn nợ lại tiền hụi chết và số tiền bị cáo đã trả khắc phục thì bị cáo chiếm đoạt số tiền của các bị hại như sau: Bà Huỳnh Cẩm N số tiền 50.690.000đ, bà Đào Thị Thu H số tiền 5.000.000đ nhưng bà H đã thỏa thuận với bị cáo xong không yêu cầu giải quyết, bà Hoàng Hồng C số tiền 3.620.000đ, bà Lê Thị Mỹ A số tiền 11.190.000đ, bà Trần Thị A 1.460.000đ, bà Phạm Ngọc H số tiền 17.016.000đ, bà Phạm Ngọc K số tiền 13.745.000đ, bà Võ Thị Tú H số tiền 21.805.000đ, bà Thẩm Thị Hồng A số tiền 20.605.000đ, bà Võ Thị Tsố tiền 14.850.000đ, bà Võ Thị T số tiền 26.260.000đ, bà Đỗ Thị M số tiền 11.630.000đ, bà Phạm Thị L số tiền 40.640.000đ, ông Lâm Văn D số tiền 17.805.000đ, Bà Lê Thị U số tiền 11.500.000đ, bà Lưu Thúy K số tiền 11.360.000đ, bà Trần Thị Kim L số tiền 4.190.000đ, bà Huỳnh Như E số tiền 8.214.000đ, bà Trần Thanh P số tiền 44.420.000đ, bà Nguyễn Ngọc H số tiền 10.371.000đ, bà Trần Thị N số tiền 57.252.000đ, bà Trần Thị T 38.190.000đ, bà Trần Thị T số tiền 66.450.000đ, bà Lâm Thị N số tiền 12.600.000đ, bà Hoàng Thị P số tiền 21.160.000đ, ông Phạm Minh Tsố tiền 13.100.000đ, bà Thái Kim Y số tiền 27.860.000đ, bà Võ Ngọc N (N) số tiền 24.080.000đ, bà Võ Thị Q số tiền 12.000.000đ, bà Phạm Thị C số tiền 19.150.000đ, bà Phạm Thị M số tiền 15.640.000đ, bà Kim Thị K số tiền 6.050.000đ, bà Nguyễn Thị Út V số tiền 15.760.000đ, bà Nguyễn Bích H số tiền 4.550.000đ, bà Đỗ Thị T số tiền 14.600.000đ, bà Lê Thị Mỹ N số tiền 6.500.000đ, bà Lê Diễm L số tiền

60.560.000đ, bà Huỳnh Thị Thuyết A số tiền 1.400.000đ, bà Thiều Thị H số tiền 10.930.000đ, bà Thiều Thị V số tiền 10.930.000đ, bà Trần Thị B số tiền 17.280.000đ, bà Lưu Mỹ L số tiền 1.725.000đ, bà Nguyễn Bích P số tiền 22.890.000đ, bà Nguyễn Thị T số tiền 23.800.000đ, bà Trần Thị N số tiền 8.323.000đ, bà Tăng Kim Q số tiền 5.860.000đ, bà Lê Hồng P số tiền 5.175.000đ, bà Phạm Thị L số tiền 9.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 5.250.000đ, bà Nguyễn Mộng P số tiền 10.900.000đ nhưng đã thỏa thuận xong với bị cáo nên không yêu cầu, bà Nguyễn Thị T số tiền 7.040.000đ, bà Trương Kim E số tiền 6.840.000đ, bà Kim Thị N số tiền 19.100.000đ, bà Nguyễn Thị T số tiền 8.468.000đ, bà Nguyễn Thị H 22.300.000đ, bà Huỳnh Thị M số tiền 24.060.000đ, bà Trần Thị K số tiền 1.400.000đ, bà Vũ Thị Thu P (Vũ Thị P) số tiền 6.100.000đ, bà Nguyễn Thị Q số tiền 16.120.000đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 4.600.000đ, bà Lâm Thị C số tiền 15.940.000đ, bà Trần Thị T số tiền 5.570.000đ, bà Huỳnh Thị Mộng T số tiền 11.100.000đ, bà Lê Thị T số tiền 2.178.000đ, bà Nguyễn Thị M số tiền 2.450.000đ, Bà Lê Thị Út N số tiền 4.000.000đ, bà Lê Thị L số tiền 14.161.000đ, bà Nguyễn Thị H số tiền 8.400.000đ, bà Huỳnh Thị N số tiền 3.780.000đ, bà Lê Diễm K số tiền 3.080.000đ, bà Lê Thị Hồng N số tiền 5.040.000đ, bà Trần Huỳnh M số tiền 6.168.000đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 13.100.000, bà Thiều Thị N (Út N) số tiền 37.510.000đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 4.600.000đ, bà Lê Ái L số tiền 14.000.000đ, bà Tống Thị T 39.550.000đ, bà Kim Lệ H số tiền 4.420.000đ, bà Thị Đ (vợ Vương) số tiền 2.920.000đ, bà Trần Thị B số tiền 4.420.000đ, bà Võ Thị P số tiền 4.420.000đ, bà Trương Ái K số tiền 4.420.000đ, bà Nguyễn Hồng G số tiền 6.120.000đ, bà Lưu Hồng A số tiền 5.560.000đ, bà Phan Ngọc M 13.670.000đ, bà Thạch Kim H số tiền 1.570.000đ, bà Phan Thị Đ số tiền 3.200.000đ, bà Trần Tú L số tiền 840.000đ, bà Nguyễn Thanh P số tiền 5.100.000đ, bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 2.200.000đ, bà Phạm Thị Mỹ H số tiền 5.471.000đ, bà Phùng Bích Thu V số tiền 7.561.000đ, bà Trương Như Y số tiền 12.201.000đ, bà Phạm Thị N 6.542.000đ, bà Phạm Ngọc S số tiền 26.250.000đ, bà Nguyễn Thị T số tiền 3.500.000đ, bà Nguyễn Kim T số tiền 4.800.000đ, bà Phạm Thu H 25.600.000đ, bà La Thuý H 115.600.000đ, bà Đặng Thị T 100.000.000đ, bà Trần Thị C 201.000.000đ, ông Nguyễn Văn H 90.000.000đ, bà Nguyễn Thị L 48.600.000đ, bà Thiều Thị N số tiền 82.930.000đ, bà Trịnh Thị T số tiền 189.097.000đ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố hành vi của bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, mất niềm tin trong quần chúng nhân dân trong các giao dịch dân sự, tại thời điểm thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho hành vi do mình gây ra, với tính chất, mức độ phạm tội

của bị cáo cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như thế mới đủ sức cải tạo giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Chỉ vì động cơ vụ lợi mà bị cáo xem thường pháp luật, lợi dụng lòng tin của bà con thân thích và của đồng nghiệp để từng bước thực hiện hành vi phạm tội với mức độ ngày một nguy hiểm hơn, nhiều lần bị cáo chiếm đoạt có số tiền trên mức phải xử lý hình sự, nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bản thân có thời gian dài cống hiến cho sự nghiệp giáo dục được tặng thưởng huy hiệu vì sự nghiệp giáo dục, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục được một phần hậu quả, có một số người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và cha bị cáo là ông Nguyễn Văn L từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, năm 1999 được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ hạng nhất, nên xem xét áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các điều 463, 466, 471, 589 Bộ luật Dân sự 2015. Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường buộc bị cáo có trách nhiệm giao trả số tiền chiếm đoạt cho các bị hại. Đối với các bị hại không yêu cầu tính lãi họ, xét thấy các bị hại không yêu cầu nên không xem xét buộc bị cáo trả lãi của số tiền chiếm đoạt. Đối với các bị hại có yêu cầu tính lãi tiền vay cũng như số tiền họ bị chiếm đoạt như bà Trịnh Thị T, bà Lê Thị L, bà Đặng Thị T, bà Lưu Hồng A, bà La Thúy H, bà Trần Thị C thì căn cứ thời điểm bị cáo tuyên bố vỡ họ tháng 5/2015 để tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất được quy định tại Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, theo mức lãi cơ bản 0,75%/tháng là phù hợp.

Cụ thể từ ngày 15/5/2015 đến ngày 20/11/2017 là 30 tháng 05 ngày, tiền lãi được tính như sau: Tổng số tiền bà Lê Thị Lồng hụi cho bị cáo tính đến ngày vỡ hụi là 14.161.000đ, tiền lãi là $14.161.000đ \times 0,75\% \times 30 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}$ bằng 3.203.900đ, cộng chung vốn lãi là 17.364.900đ; tổng số tiền bị cáo vay của bà Tua từ ngày 17/4/2015 đến ngày 20/4/2015 là 100.000.000đ, tiền lãi là $100.000.000đ \times (0,75\% \times 150\%) \times 31 \text{ tháng}$ bằng 34.875.000đ trừ số tiền lãi bị cáo trả 10.000.000đ nên số tiền vốn lãi bị cáo có trách nhiệm trả cho bà T là 124.875.000đ; Tổng số tiền bà Lưu Hồng A đóng hụi cho bị cáo đến ngày vỡ hụi là 5.560.000đ, tiền lãi là $5.560.000đ \times 0,75\% \times 03 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}$ 1.257.950đ, cộng chung vốn lãi là 6.817.950đ; tổng số tiền bị cáo vay của bà La Thúy H từ ngày 01/3/2015 đến ngày 13/3/2015 là

160.000.000, tiền lãi là $160.000.000đ \times (0,75\% \times 150\%) \times 32$ tháng 07 ngày bằng 58.020.000đ, trừ số tiền lãi bị cáo đã trả theo thỏa thuận 44.400.000đ thì số tiền vốn và lãi bị cáo phải trả cho bà H là 173.620.000đ; tổng số tiền bị cáo vay của bà Trần Thị C từ ngày 08/3/2015 đến ngày 12/3/2015 là 210.000.000đ, tiền lãi là $210.000.000đ \times (0,75\% \times 150\%) \times 32$ tháng 08 ngày bằng 77.962.400đ, trừ số tiền bị cáo trả lãi theo thỏa thuận 9.000.000đ thì số tiền vốn bị cáo có trách nhiệm trả cho bà Chuyên là 278.962.400đ; tổng số tiền bà Trịnh Thị T đóng hui, mua hui cho bị cáo tính đến ngày vỡ hui là 179.577.000đ, tiền lãi là $179.577.000đ \times 0,75\% \times 30$ tháng 05 ngày bằng 40.689.200, cộng chung vốn lãi bị cáo có trách nhiệm trả cho bà Thủy là 220.266.200đ.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Đào Thị Thu H, bà Võ Thị Tú H và bà Nguyễn Mộng P, trong quá trình điều tra bị cáo và bị hại đã thỏa thuận, bị hại không yêu cầu bị cáo giao trả số tiền chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo trả khắc phục cho các bị hại như: Bà Hoàng Thị P 3.900.000đ; bà Võ Thị T 2.700.000đ; bà Nguyễn Thị T 1.100.000đ; bà Thiều Thị H 900.000đ; bà Thiều Thị V 900.000đ; bà Lê Diễm L 500.000đ; bà Phạm Ngọc H 1.000.000đ; bà Phạm Ngọc K 500.000đ; bà Thẩm Thị Hồng A 1.500.000đ; bà Trần Thị Kim L 7.000.000đ (do cần trừ với bà B trả thay); bà Nguyễn Ngọc H 500.000đ; bà Trần Thị T 5.000.000đ; bà Lâm Thị N 1.000.000đ; bà Phạm Thị L 800.000đ (do bà T trả 400.000đ); bà Nguyễn Thị Kim B 200.000đ; bà Nguyễn Thị L 500.000đ; bà Thị Đ (vợ V) 600.000đ; bà Phan Thị Đ 200.000đ; bà Trần Tú L 4.200.000đ; bà Nguyễn Thị Cẩm H 300.000đ; bà Phạm Thị Mỹ H 1.300.000đ; bà Phùng Bích Thu V 500.000đ; bà Trương Như Y trả 500.000đ; bà Nguyễn Kim T 500.000đ. Tổng số tiền bị cáo trả khắc phục hậu quả là 36.100.000đ sẽ được xem xét để trừ vào phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

Xét đề nghị của Luật sư, Hội đồng xét xử xét thấy, các đề nghị của Luật sư về số tiền bị cáo chiếm đoạt đối với các khoản vay cũng như số tiền bị cáo trả cho bị hại để khắc phục trừ vào số tiền Viện kiểm sát truy tố là chưa phù hợp, vì hành vi chiếm đoạt của bị cáo đã hoàn thành, việc trả tiền cho các bị cáo trong thời gian điều tra là chỉ khắc phục một phần hậu quả và số tiền bị cáo vay của 06 bị hại, bị cáo thực hiện hành vi trong thời gian bị cáo đã mất khả năng thanh toán, sau khi vay thì bị cáo tuyên bố vỡ hui để chiếm đoạt, nên đề nghị này của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với đề nghị của Luật sư về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được ghi nhận để xem xét khi nghị án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của kiểm sát viên là về điều luật truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và

trách nhiệm dân sự có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét khi nghị án.

Đối với các dây hội 1.000.000đ, mở tháng 9/2009 (tháng 7/2009 âm); Dây hội 1.000.000đ, mở tháng 8/2010 (tháng 7/2010 âm); Dây hội 2.000.000đ, mở ngày 26/8/2012 (ngày 10/7/2012 âm); Dây hội 3.000.000đ, mở ngày 01/3/2013 (ngày 20/01/2013 âm); Dây hội 2.000.000đ mở ngày 22/12/2013 (ngày 20/11/2013 âm); Dây hội 500.000đ mở ngày 29/4/2014 (ngày 01/4/2014 âm); Dây hội 2.000.000đ mở ngày 17/6/2014 (ngày 20/5/2014 âm) bị cáo có hành vi kê hội khống, hốt hội của hội viên, nhưng số tiền các hội viên đã hốt còn nợ bị cáo trong từng dây hội lớn hơn số tiền mà các hội viên đóng hội cho bị cáo, cũng như các khoản vay của các bà Phan Thị M, bà Huỳnh Thị Mộng T, bà Huỳnh Cẩm N, bà Nguyễn Kim B, bà Nguyễn Thị H, bà Thẩm Thị Hồng A, bà Thiều Thị N, bà Trịnh Thị T, bà Võ Thị Q, bà Hoàng Thị P trong thời gian dài, đã trả lãi theo thỏa thuận, khi vay tài sản bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối nào để nhận được tiền của những người cho vay, Viện kiểm sát không truy tố, nên có phát sinh tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác bằng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với dây hội mùa 3.000.000đ, mở ngày 14/4/2014 (ngày 15/3/2014 âm), bà Phạm Thị Ngọc C khai tham gia 02 phần, đóng 13.000.000đ, ngoài lời khai bà C ra không có tài liệu chứng minh, còn bị cáo không thừa nhận bà C có tham gia, nên không có căn cứ buộc bị cáo chiếm đoạt tiền của bà C. Đối với bà Nguyễn Thị T khai cho bị cáo vay 80.000.000đ, bà Nguyễn Thị L khai cho bị cáo vay 72.000.000đ quy ra thành hội, bà L đã nhận của bị cáo 65.400.000đ và bà L còn khai thêm cho bị cáo vay 100.000.000đ lãi suất 5%, đã nhận tiền lãi được 18.000.000đ, bị cáo không thừa nhận có vay các khoản tiền này của bà L và bà T, nhưng bà T và bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, nên không có căn cứ để xác định bị cáo chiếm đoạt các khoản tiền này, nên tách ra khi có phát sinh tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với hành vi bán hội khống cho ông Nguyễn Văn B chiếm đoạt số tiền 21.240.000đ và số tiền bị cáo khai bà Ngô Phượng H (H) tham gia 01 phần trong dây hội tháng 500.000đ mở ngày 15/9/2014 (ngày 22/8/2014 âm) đã hốt hội, còn nợ bị cáo 19 kỳ hội chết, trong quá trình điều tra ông B và bà H còn ở địa phương, không tiến hành ghi lời khai đối chất với bị cáo được nên tách ra giải quyết sau là phù hợp.

Đối với các hội viên sau khi hốt hội còn nợ lại bị cáo tiền hội chết của các dây hội, xét thấy trong quá trình điều tra bị cáo không có đơn khởi kiện yêu cầu các hội viên nợ tiền hội chết giao trả cho bị cáo, nên hội đồng xét xử không xem xét, bị cáo có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Cụ thể những người nợ bị cáo tiền hội sau khi hốt hội như: Bà Phạm Thị Ngọc C 69.000.000đ; bà Lê Thị T 8.000.000đ, bà Nguyễn Hoàng A

7.500.000đ, bà Huỳnh Thị L 7.500.000đ, bà Đặng Ngọc L 1.000.000đ, bà Nguyễn Thị T 1.000.000đ, bà Trần Thị N 5.000.000đ, bà Bùi Kiều T 10.000.000đ, bà Trần Thị T 10.000.000đ, bà Trương Thị T 14.000.000đ, bà Trần Lê D 10.000.000đ, ông Nguyễn Văn B 3.000.000đ, ông Cao Văn K 4.000.000đ, bà Trần Thị T 2.000.000đ; bà Trần Lê D 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị Thúy D 2.000.000đ, bà Hồ Kim Đ 970.000đ, bà Nguyễn Kim T 2.770.000đ, bà Trần Thị Mai T 10.350.000đ, ông Trương Minh Đ 3.220.000đ, bà Nguyễn Thị T 72.000.000đ; bà Huỳnh Thị P 2.500.000đ; bà Bùi Thị P 15.790.000đ; bà Trần Thị Bé H 5.970.000đ; bà Cao Thị Ngọc T số tiền 3.084.000đ + 5.300.000đ - 15.000.000đ = 6.616.000đ; bà Võ Thị Ngọc C (Mưa) số tiền 4.650.000đ + 5.040.000đ - 10.000.000đ = 310.000đ), bị cáo được quyền khởi kiện đòi nợ bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Kim L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Kim L phải chịu 73.318.420đ (72.000.000đ + 1.318.420đ) là 2% của 65.921.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim L 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/4/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự; các điều 463, 466, 471, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim L có trách nhiệm giao trả cho những người bị hại số tiền vốn và lãi cụ thể như sau:

2.1. Trả cho bà Huỳnh Cẩm N số tiền 50.690.000đ (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

2.2. Trả cho bà Hoàng Hồng C số tiền 3.620.000đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2.3. Trả cho bà Lê Thị Mỹ A số tiền 11.190.000đ (Mười một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

2.4. Trả cho bà Trần Thị A số tiền 1.460.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.5. Trả cho bà Phạm Ngọc H số tiền 17.016.000đ (Mười bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

2.6. Trả cho bà Phạm Ngọc K số tiền 13.745.000đ (Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2.7. Trả cho bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1992) số tiền 4.240.000đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.8. Trả cho bà Thẩm Thị Hồng A số tiền 20.605.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) .

2.9. Trả cho bà Võ Thị T số tiền 14.850.000đ (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

2.10. Trả cho bà Võ Thị T số tiền 26.260.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.11. Trả cho bà Đỗ Thị M số tiền 11.630.000đ (Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

2.12. Trả cho bà Phạm Thị L số tiền 40.640.000đ (Bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.13. Trả cho ông Lâm Văn D số tiền 17.805.000đ (Mười bảy triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

2.14. Trả cho Bà Lê Thị U số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

2.15. Trả cho bà Lưu Thúy K số tiền 11.360.000đ (Mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.16. Trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền 4.190.000đ (Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

2.17. Trả cho bà Huỳnh Như E số tiền 8.214.000đ (Tám triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

2.18. Trả cho bà Trần Thanh P số tiền 44.420.000đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2.19. Trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền 10.371.000đ (Mười triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

2.20. Trả cho bà Trần Thị N số tiền 57.252.000đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.21. Trả cho bà Trần Thị T 38.190.000đ (Ba mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

2.22. Trả cho bà Trần Thị T số tiền 66.450.000đ (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.23. Trả cho bà Lâm Thị N số tiền 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.24. Trả cho bà Hoàng Thị P số tiền 21.160.000đ (Hai mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.25. Trả cho ông Phạm Minh T số tiền 13.100.000đ (Mười ba triệu một trăm nghìn đồng).

- 2.26. Trả cho bà Thái Kim Y số tiền 27.860.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 2.27. Trả cho bà Võ Ngọc N (Bé N) số tiền 24.080.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).
- 2.28. Trả cho bà Võ Thị Q số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).
- 2.29. Trả cho bà Phạm Thị C số tiền 19.150.000đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).
- 2.30. Trả cho bà Phạm Thị M số tiền 15.640.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
- 2.31. Trả cho bà Kim Thị K số tiền 6.050.000đ (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).
- 2.32. Trả cho bà Nguyễn Thị Út V số tiền 15.760.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng),
- 2.33. Trả cho bà Nguyễn Bích H số tiền 4.550.000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).
- 2.34. Trả cho bà Đỗ Thị T số tiền 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).
- 2.35. Trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).
- 2.36. Trả cho bà Lê Diễm L số tiền 60.560.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 2.37. Trả cho bà Huỳnh Thị Thuyết A số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).
- 2.38. Trả cho bà Thiều Thị H số tiền 10.930.000đ (Mười triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).
- 2.39. Trả cho bà Thiều Thị V số tiền 10.930.000đ (Mười triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).
- 2.40. Trả cho bà Trần Thị B số tiền 17.280.000đ (Mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).
- 2.41. Trả cho bà Lưu Mỹ L số tiền 1.725.000đ (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
- 2.42. Trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền 22.890.000đ (Hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).
- 2.43. Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 23.800.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).
- 2.44. Trả cho bà Trần Thị N số tiền 8.323.000đ. (Tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).
- 2.45. Trả cho bà Tăng Kim Q số tiền 5.860.000đ (Năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 2.46. Trả cho bà Lê Hồng P số tiền 5.175.000đ (Năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).
- 2.47. Trả cho bà Phạm Thị L số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

2.48. Trả cho bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2.49. Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 7.040.000đ (Bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.50. Trả cho bà Trương Kim E số tiền 6.840.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) .

2.51. Trả cho bà Kim Thị N số tiền 19.100.000đ (Mười chín triệu một trăm nghìn đồng).

2.52. Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.468.000đ (Tám triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2.53. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 22.300.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

2.54. Trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 24.060.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.55. Trả cho bà Trần Thị K số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.56. Trả cho bà Vũ Thị Thu P (Vũ Thị P) số tiền 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm nghìn đồng).

2.57. Trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 16.120.000đ (Mười sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

2.58. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.59. Trả cho bà Lâm Thị C số tiền 15.940.000đ (Mười lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.60. Trả cho bà Trần Thị T số tiền 5.570.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) .

2.61. Trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ T số tiền 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng).

2.62. Trả cho bà Lê Thị T số tiền 2.178.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.63. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.64. Trả cho Bà Lê Thị Út N số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

2.65. Trả cho bà Lê Thị L số tiền 17.364.900đ (Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.66. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.67. Trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.780.000đ (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

2.68. Trả cho bà Lê Diễm K số tiền 3.080.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

2.69. Trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền 5.040.000đ (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.70. Trả cho bà Trần Huỳnh M số tiền 6.168.000đ (Sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2.71. Trả cho bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1974) số tiền 8.860.000đ (Tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.72. Trả cho bà Thiều Thị N (Út N) số tiền 47.080.000đ (Bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

2.73. Trả cho bà Lê Ái L số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

2.74. Trả cho bà Tống Thị T số tiền 39.550.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2.75. Trả cho bà Kim Lệ H số tiền 4.420.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2.76. Trả cho bà Thị Đ (Vợ V) số tiền 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

2.77. Trả cho bà Trần Thị B số tiền 4.420.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2.78. Trả cho bà Võ Thị P số tiền 4.420.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2.79. Trả cho bà Trương Ái K số tiền 4.420.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2.80. Trả cho bà Nguyễn Hồng G số tiền 6.120.000đ (Sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

2.81. Trả cho bà Lưu Hồng A số tiền 6.817.950đ (Sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng).

2.82. Trả cho bà Phan Ngọc M 13.670.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.83. Trả cho bà Thạch Kim H số tiền 1.570.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.84. Trả cho bà Phan Thị Đ số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

2.85. Trả cho bà Trần Tú L số tiền 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.86. Trả cho bà Nguyễn Thanh P số tiền 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

2.87. Trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

2.88. Trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số tiền 5.471.000đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng).

2.89. Trả cho bà Phùng Bích Thu V số tiền 7.561.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) .

2.90. Trả cho bà Trương Như Y số tiền 12.201.000đ (Mười hai triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng).

2.91. Trả cho bà Phạm Thị N số tiền 6.542.000đ (Sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

2.92. Trả cho bà Phạm Ngọc S số tiền 26.250.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2.93. Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2.94. Trả cho bà Nguyễn Kim T số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

2.95. Trả cho bà Phạm Thu H số tiền 25.600.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.96. Trả cho bà La Thuý H số tiền 173.620.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2.97. Trả cho bà Đặng Thị T số tiền 124.875.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.98. Trả cho bà Trần Thị C số tiền 278.962.400đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

2.99. Trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

2.100. Trả cho bà Nguyễn Thị L 48.600.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.101. Trả cho bà Trịnh Thị T số tiền 220.266.200đ (Hai trăm hai mươi triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Kim L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Kim L phải chịu 73.318.420đ (Bảy mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án, có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND CC (1 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (2 bản);
- Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu (2 bản)
(để tổng đạt cho bị cáo Nguyễn Kim L);
- Người bị hại (mỗi người 1 bản);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (mỗi người 1 bản);
- Luật sư Lý Kim P (1 bản);
- Lưu.

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn